

Bản án số: 198/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 24/8/2026

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhan .

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quyết, bà Nguyễn Thị Tiến.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Phương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 518/2026/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2026 về tranh chấp: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 172/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/7/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 83A/2026/QĐST-HNGĐ, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị N, sinh năm 1979; CCCD số 030179007777; ĐKKHKT: Số nhà C Hồ Đ, phường L, thành phố Hải Phòng; Hiện cư trú: Số E L, phường T, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền và bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho chị N: Ông Nguyễn Thanh H – Luật sư văn phòng L – Đoàn luật sư H3. Địa chỉ: Khu A, phường T, thành phố Hải Phòng.

- Bị đơn: Nguyễn Huy H1, sinh năm 1979; CCCD số 030079011508; ĐKKHKT và cư trú: Số nhà C Hồ Đ, phường L, thành phố Hải Phòng.

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H1 được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 12/02/2004 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương (nay là UBND xã H) và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng

quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Tháng 6/2025, chị vào Lâm Đồng sinh sống từ đó đến nay, vợ chồng mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Huy H1. Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Việt A, sinh ngày 19/9/2004 và Nguyễn Huy Hoàng A1, sinh ngày 16/11/2007. Hiện các cháu đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Vợ chồng có tài sản chung, nợ chung nhưng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không có công sức đóng góp với gia đình hai bên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh H1 trình bày: Về điều kiện kết hôn thống nhất như chị N trình bày. Tại bản tự khai và tại biên bản làm việc ngày 23/6/2026, anh H1 đều có quan điểm vợ chồng có mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn nên chị N xin ly hôn, anh nhất trí. Tuy nhiên sau đó anh có văn bản trình bày thể hiện quan điểm trước đây do nhất thời nóng giận nên anh mới đồng ý ly hôn, xác định bản thân vẫn còn tình cảm vợ chồng nên không đồng ý ly hôn chị N. Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Việt A, sinh ngày 19/9/2004 và Nguyễn Huy Hoàng A1, sinh ngày 16/11/2007. Hiện các cháu đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Anh H1 xác định vợ chồng có tài sản chung, nợ chung và đã cung cấp cho Tòa án, tuy nhiên sau đó anh H1 có văn bản trình bày tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung vợ chồng. Vợ chồng không có công sức đóng góp với gia đình hai bên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng là bà Đào Thị H2: Xác định chị N đã vào Lâm Đồng sinh sống từ năm 2025, vợ chồng mỗi người một nơi không còn chung sống cùng nhau.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật TTDS năm 2015; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N, xử cho chị N ly hôn anh H1; Về con chung đã trưởng thành không phải giải quyết. Về tài sản chung, công sức, nợ: không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Chị N phải chịu án phí HNGĐ theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh H1 đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường L, thành phố Hải Phòng. Do vậy vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị N có quan điểm xin xét xử vắng mặt, anh H1 được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do vậy Tòa án xét xử vắng các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị N, anh H1 được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định. Do vậy, quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Lời khai chị N và lời khai ban đầu của anh H1 thể hiện quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có sự tin tưởng, yêu thương, chăm sóc nhau, anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn chị N xin ly hôn, anh H1 nhất trí ly hôn. Sau đó anh H1 thay đổi lời khai xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra biện pháp nào để cải thiện tình cảm vợ chồng. Bản thân anh chị đều xác định vợ chồng đã ly thân, chị N vào Lâm Đồng sinh sống, anh H1 ở Hải Phòng, vợ chồng mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai, phù hợp với lời khai người làm chứng. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân của chị N anh H1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị N ly hôn anh H1 là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Việt A, sinh ngày 19/9/2004 và Nguyễn Huy Hoàng A1, sinh ngày 16/11/2007. Hiện các cháu đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, do vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình hai bên: Chị N, anh H1 đều xác định không có công sức đóng góp cho gia đình hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy HĐXX không xem xét giải quyết. Chị N, anh H1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản chung nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này, trường hợp chị N, anh H1 có yêu cầu và cung cấp được chứng cứ chứng minh sẽ được xem xét giải quyết ở vụ án khác.

[2.4] Về án phí: Chị N xin ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại điểm a mục 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.
- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N ly hôn anh Nguyễn Huy H1.
2. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006780 ngày 02/6/2026 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 – Hải Phòng. Chị N đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí ly hôn sơ thẩm.
3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Huy H1 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 8 – Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 8 – Hải Phòng;
- Các đương sự;
- UBND Hà Nam, TP Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhan